TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 14 – 8 – 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Thành Ngôn;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2019/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2019/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số X, khóm B7, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Thái P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số X, khóm B2, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 15/3/2019 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Huỳnh Ngọc B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và Đặng Thái P tự quen biết và tự nguyện sống chung vào năm 2000, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường B ngày 29/9/2015. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng bà. Sau khi kết hôn, bà và ông P thuê nhà trọ thuộc khóm B7, phường B để sinh sống. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P thường xuyên đi làm thuê xa, khoảng 03 đến 04 ngày về nhà một lần. Mặc dù kinh tế gia đình do ông P chịu trách nhiệm nhưng bà không đồng ý vì ông P không tiếp bà nuôi dạy các con. Thời gian qua, bà nhiều lần góp ý để ông P thay đổi nhưng không có kết quả. Bà và ông P tự ly thân hơn một năm qua, ông P về nhà cha mẹ ruột ở tại số x, khóm B2, phường B từ trước Tết năm 2019 đến nay và không đến thăm các con, không gửi tiền tiếp bà nuôi con. Do thời gian ly thân đã lâu nhưng vợ chồng vẫn không có cơ hội hàn gắn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông P có 02 (Hai) con chung tên Đặng Huỳnh N sinh ngày 29/10/2004 và Đặng N sinh ngày 07/3/2013. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là cháu Đặng N theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Đặng Thái P vắng mặt lần thứ hai, bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B vì hôn nhân của vợ chồng bà không còn mang lại hạnh phúc. Về con chung, thời gian qua, bà B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Do đó, để các cháu có cuộc sống ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi

dưỡng con của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của bà B về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Do ông P không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Huỳnh Ngọc B và ông Đặng Thái P là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông Đặng Thái P vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số , khóm B2, phường B, thành phố LX. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho ông P theo quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông P tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do. Bà B có đơn đề ngày 25/7/2019 về việc đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc B và ông Đặng Thái P tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 180/2015, quyển số 01/2015 ngày 29/9/2015 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà B cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P thường xuyên đi làm xa nhà, không quan tâm vợ con, không tiếp bà nuôi dạy các con. Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và được ông Đặng Thái N là anh ruột của ông P, có cùng nơi cư trú nhận thay các văn

bản tố tụng cho ông P. Tuy nhiên, ông P vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà B và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo thêm thời gian dài để bà B và ông P có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà B vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà B dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà B và ông P không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà B được ly hôn ông P.

[6] Về con chung: Bà B trình bày, bà và ông P có 02 (Hai) con chung tên Đặng Huỳnh N sinh ngày 29/10/2004 và Đặng N sinh ngày 07/3/2013. Lời khai của bà B phù hợp với hai bản sao trích lục khai sinh số 54/TLKS – BS ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân phường B cấp. Xét thấy, thời gian qua các con chung được bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định đời sống cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B về việc yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đặng Như Ý. Ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con chung mỗi tháng với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] ***Về án phí*:** Bà B phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà B đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002834 ngày 27/3/2019

của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 176; Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc B được ly hôn với ông Đặng Thái P.

- Về con chung: Bà B và ông P có 02 (Hai) con chung tên Đặng Huỳnh N sinh ngày 29/10/2004 và Đặng N sinh ngày 07/3/2013. Bà B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung.

Ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật đối với cháu Đặng Như Ý mỗi tháng là 745.000 đ (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng sẽ được thay đổi theo từng thời điểm mà pháp luật có quy định.

Bà B cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông P thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà B phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà B đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002834 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

Bà B và ông P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND p.B;*
- *Lưu hồ sơ./.*

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *Chi cục THADS TPLX;*
- *Lưu: hồ sơ, VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh